TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

**BỘ MÔN TÂM LÍ GIÁO DỤC**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NG HIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN NGOẠI NGỮ

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2019

*“Education is the most powerful weapon which you can use to change the world”*

Nelson Mandela

# 1. Tên chương trình

Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngoại ngữ (CSP)[[1]](#footnote-1)

Tên tiếng Anh: Coaching skills for pedagogy

Tên viết tắt: CSP

# 2. Giới thiệu chung về chương trình

Chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên nhằm cung cấp cơ hội tiếp cận với khoa học sư phạm một cách hệ thống, khoa học, thực tiễn và nhanh nhất. Chương trình sẽ giúp người học hình thành các năng lực sư phạm như: năng lực ứng dụng kiến thức sư phạm vào quá trình học tập; năng lực quản lí lớp học; năng lực đánh giá kết quả học tập; năng lực tự thúc đẩy cũng như tổ chức các hoạt động hình thành và thúc đẩy động lực học tập cho học sinh. Sinh viên theo học và vượt qua bài kiểm tra đánh giá của chương trình sẽ được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy Ngoại ngữ, mở ra cơi hội tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực giáo dục. [[2]](#footnote-2)

# 3. Nhóm đối tượng hướng tới của chương trình CSP

Sinh viên các ngành ngôn ngữ thuộc trường Đại học Ngoại Ngữ, đặc biệt hướng tới sinh viên hệ chất lượng cao.

# 4. Mục đích của chương trình CSP

Huấn luyện sinh viên năng lực nghiệp vụ sư phạm (giảng dạy ngoại ngữ và GD học sinh) thông qua các học phần Tâm lý - Giáo dục học và Phương pháp giảng dạy.

# 5. Phương pháp tiếp cận của chương trình CSP

## *5.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống*

Các vấn đề về giáo dục, dạy học ngoại ngữ không xem xét biệt lập mà được đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam và trong bối cảnh toàn cầu một cách tổng thể. Các học phần trong chương trình được xây dựng thống nhất và bổ trợ cho nhau để giúp người học hình thành năng lực dạy học NN và năng lực giáo dục học sinh.

## *5.2. Phương pháp tiếp cận phát triển nguồn nhân lực*

Phương pháp này tập trung vào việc tạo động lực, phát triển các kỹ năng và nhu cầu của sinh viên. Vì vậy, phương pháp tiếp cận này được sử dụng vào việc hoàn thiện các biện pháp kích thích, tạo động lực để phát huy sự nhiệt huyết, tính năng động và sáng tạo của sinh viên, đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, đi đôi với việc dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực sư phạm của xã hội nói chung và giáo dục nói riêng.

## *5.3. Phương pháp tiếp cận thị trường*

Chương trình CSP cần phải đặc biệt chú ý tới đặc điểm, các quy luật của cơ chế thị trường, như quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị. Tiếp cận thị trường đòi hỏi việc phát triển và cập nhật chương trình CSP trong bối cảnh nền kinh tế thị trường; các quy luật kinh tế thị trường ảnh hưởng tới các yếu tố của hệ thống giáo dục như thế nào. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động huấn luyện cũng phải được xem xét trong cơ chế thị trường và định hướng thị trường.

# 6. Năng lực đầu ra của chương trình CSP

# *Chương trình CSP sẽ hình thành các năng lực sau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năng lực đầu ra sẽ hình thành ở người học | Có | Không |
| 6.1. Năng lực học tập và tổ chức hoạt động học tập |  |  |
| 6.1.1. Nhận diện được những loại kiến thức căn bản trong dạy học (Kiến thức dữ kiện; kiến thức khái niệm; kiến thức quy trình; kiến thức siêu nhận thức) | Dấu kiểm |  |
| 6.1.2. Lựa chọn phương pháp sư phạm cho các loại kiến thức căn bản trong dạy học | Dấu kiểm |  |
| 6.1.3. Hiểu về chức năng và cách thức hoạt động của bộ não khi tiến hành hoạt động học tập | Dấu kiểm |  |
| 6.1.4. Hiểu biết về cảm xúc, vai trò của cảm xúc với tư duy và động lực học tập | Dấu kiểm |  |
| 6.1.5. Phân tích được quá trình hình thành bản ngã và cá tính | Dấu kiểm |  |
| 6.1.6. Phân tích được mối tương quan giữa tương tác xã hội và giá trị sống trong tiến trình học tập | Dấu kiểm |  |
| 6.2. Năng lực tổ chức hoạt động dạy |  |  |
| 6.2.1. Ứng dụng các lí thuyết về trí thông minh và hoạt động trí năng vào dạy học ngoại ngữ | Dấu kiểm |  |
| 6.2.2. Ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực vào hoạt động dạy và học ngoại ngữ | Dấu kiểm |  |
| 6.2.3. Thúc đẩy cá nhân hóa người học | Dấu kiểm |  |
| 6.2.4. Thúc đẩy tư duy phê phán | Dấu kiểm |  |
| 6.2.5. Tổ chức các hoạt động thúc đẩy, tạo động lực cho bản thân và học sinh | Dấu kiểm |  |
| 6.3. Năng lực quản lí lớp học |  |  |
| 6.3.1. Xây dựng tập thể sư phạm | Dấu kiểm |  |
| 6.3.2. Điều khiển hành vi học sinh | Dấu kiểm |  |
| 6.3.3. Điều khiển cảm xúc học sinh | Dấu kiểm |  |
| 6.4. Năng lực đánh giá học sinh |  |  |
| 6.4.1. Xây dựng câu hỏi đánh giá theo phân loại Bloom | Dấu kiểm |  |
| 6.4.2. Xây dựng hồ sơ đánh giá học sinh | Dấu kiểm |  |
| 6.4.3. Vận dụng các phương pháp đánh giá vào đánh giá kết quả học tập và đánh giá kết quả rèn luyện | Dấu kiểm |  |
| 6.5. Năng lực ứng dụng các kiến thức khoa học liên ngành vào dạy học |  |  |
| 6.5.1. Ứng dụng một số phần mềm IT vào dạy học | Dấu kiểm |  |
| 6.5.2. Ứng dụng nghệ thuật vào dạy học | Dấu kiểm |  |

# Diễn giải chi tiết cho các mức độ hình thành năng lực CSP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt yêu cầu** Proficient | **Thành thạo** Got it | **Vượt trội (chuyên gia)** Exemplary |
| Sinh viên thể hiện các năng lực trong các tình huống quen thuộc và ngày một tiến bộ | Sinh viên thể hiện năng lực trong những tình huống DH khác nhau, bước đầu đã nhận ra được các lỗi sai thường gặp | Sinh viên thể hiện năng lực trong bất kì tình huống dạy học nào, có thể tự động sửa các lỗi khi gặp. |

# 7. Đội ngũ giảng viên CSP

7.1. Giảng dạy các học phần 1-3 (chuyên ngành Tâm lí - Giáo dục học)[[3]](#footnote-3): Giảng viên bộ môn Tâm lí - Giáo dục.

7.2. Giảng dạy học phần 4 (Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ)3: Giảng viên thuộc bộ môn Phương pháp giảng dạy của các khoa.

7.3. Chuyên gia: Giáo viên ở một số trường phổ thông.

# 8. Thời lượng dành cho chương trình CSP

Thời lượng của chương trình (giúp sinh viên hình thành năng lực nghiệp vụ sư phạm[[4]](#footnote-4)): **12 tín chỉ**, trong đó **7 tín chỉ** dành cho các học phần về nghiệp vụ Tâm lí -Giáo dục và **5 tín chỉ** dành cho học phần Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

# 9. Nội dung chương trình CSP

*Nội dung chương trình sẽ bao gồm các phần như sau:*

a) Nhận thức, ký ức trong tiến trình học tập, vai trò của não bộ trong tiến trình học tập, những loại kiến thức căn bản và phương pháp sư phạm cho mỗi loại kiến thức, các hệ thống ký ức và chức năng cũng như hoạt động của chúng.

b) Cảm xúc và động lực trong tiến trình học tập như các nhu cầu căn bản tâm lý và xã hội liên quan đến động lực của học sinh, vai trò của cảm xúc trong động lực học tập, vai trò của nhận thức và tư duy trong động lực học tập.

c) Những vấn đề về ý thức bản thân và sự hình thành cá tính, giao tiếp trong quan hệ xã hội, ý thức luân lý và đạo đức.

d) Thiết kế các hoạt động sư phạm để phát triển cả ba mặt nhận thức, cảm xúc và xã hội của người học.

e) Quản lý lớp học trong không khí học tập tích cực.

g) Dạy học phân hóa theo thuyết đa trí tuệ và theo hệ thống phân loại Bloom.

h) Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (các phương pháp giảng dạy chuyên ngành theo từng ngoại ngữ)

# 10. Các học phần trong chương trình CSP

CSP gồm 4 học phần:

## *10.1. Ứng dụng Tâm lí giáo dục vào sư phạm (2 credits = 3 buổi off và 10 video online)*

- Hoạt động của não bộ, cảm xúc, các lí thuyết học tập.

- Các lí thuyết trí thông minh và trí năng học tập.

## *10.2. Dạy học phân hóa và Quản lí lớp học (3 credits = 4 buổi off và 9 video online)*

- Dạy học phân hóa (phân hóa ngoài, phân hóa trong….)

- Quản lý lớp học (tổ chức lớp học, văn hóa cá nhân, văn hóa tập thể…)

- Một số phần mềm hỗ trợ giảng dạy và quản lí lớp học.

## *10.3. Ứng dụng hệ thống phân loại Bloom vào giảng dạy và đánh giá (2 credits = 4 buổi off và 6 video online)*

- Các loại kiến thức và chiều tư duy.

- Học tập ý nghĩa.

- Ứng dụng Bloom trong soạn mục tiêu giáo án và soạn câu hỏi giảng dạy.

- Một số phần mềm hỗ trợ soạn giáo án (OBE Syllabus Builder)

## *10.4. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (5 credits)*

- Đường hướng, nguyên tắc và thủ thuật giảng dạy từ vựng, ngữ pháp, nghe, nói, đọc, viết.

- Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ.

# 11. Phương pháp và mô hình dạy học sử dụng trong chương trình CSP

### Chương trình CSP sử dụng các mô hình và phương pháp dạy học phát huy tích cực và sáng tạo của người học trong suốt chương trình. Giảng dạy CSP sẽ sử dụng những phương pháp chủ yếu sau:

## 11.1. Phương Pháp truy vấn (IBL – Inquiry based learning)

## 11.2. Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề (PBL – Problem based learning)

## 11.3. Phương pháp làm bài tập

## 11.4. Phương pháp thực hành (Learning by doing)

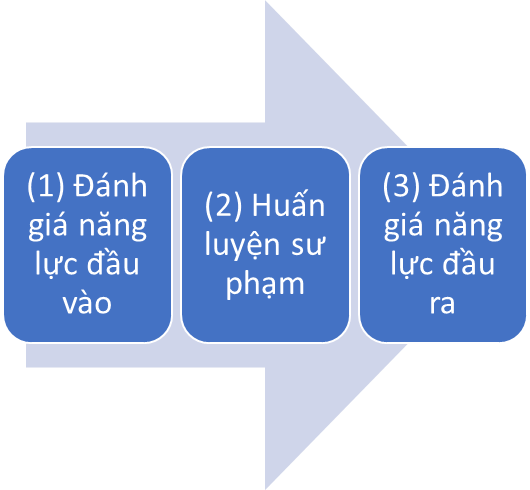
11.5. Phương pháp dạy học góc (Working in conner)

# 12. Quy trình tổ chức giảng dạy chương trình CSP

*(\* Xem sơ đồ Quy trình thực hiện chương trình CSP)*

*12.1. Đánh giá năng lực đầu vào*

Tất cả sinh viên trước khi tham gia chương trình sẽ được đánh giá vốn hiểu biết về các kiến thức, kĩ năng sư phạm và đánh giá mức độ phù hợp với nghề sự phạm.



Sơ đồ Quy trình thực hiện chương trình CSP

*12.2. Quá trình huấn luyện CSP*

Tất cả nội dung học tập sẽ được thiết kế dưới dạng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo kèm với các giờ lí thuyết; các hoạt động cầm tay chỉ việc và kèm cặp sư phạm (Buddy sư phạm) của giảng viên đứng lớp.

Sinh viên sẽ được kết nối với một số cơ sở giáo dục phổ thông và đại học để tham gia các hoạt động giáo dục.

*12.3. Đánh giá năng lực đầu ra CSP*

Năng lực sư phạm của sinh viên sẽ được đánh giá thông qua các sản phẩm học tập cụ thể ở mỗi học phần với nhiều hình thức và yêu cầu khác nhau (bài thu hoạch, bài thực hành, báo cáo, xử lý tình huống).

13. Chứng nhận hoàn thành chương trình CSP

Sinh viên được cấp chứng chỉ CSP (do hiệu trưởng trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội ký) khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Hoàn thành 4 học phần với các sản phẩm học tập của mỗi học phần được đánh giá “ĐẠT” theo ba mức độ: (1) *Đạt yêu cầu; (2) Thành thạo; (3) Vượt trội*.

- Có ít nhất 01 chứng nhận tình nguyện (đi thực tế) tại các cơ sở giáo dục.

- Có ít nhất một thư nhận xét (tập trung vào năng lực giảng dạy và giáo dục của mình) từ giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy từ 5 năm trở lên

# 14. Tài liệu tham khảo

1. Chương trình giáo duc phổ thông mới. (2018, 12 26). *Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam.* Được truy lục từ http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/Pages/du-thao-ct-tong-the.aspx?ItemID=4728
2. Krathwohl, L. W. (2018). *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing.* New York: LongMan.
3. Luật Giáo dục 2019. (2019, 10 29). *Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.* Được truy lục từ http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=136042
4. Trần, O. T. (2018). *Đánh giá kết quả học tập.* Hà Nội: Đại học Sư phạm.

1. Viết tắt là CSP (Coaching skills for pedagogy) [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo điều 4 Phát triển giáo dục – Luật giáo dục 2019 [↑](#footnote-ref-2)
3. Tên chuyên đề xem chi tiết tại mục 10. Các học phần trong chương trình CSP [↑](#footnote-ref-3)
4. Năng lực đầu ra như mô tả tại mục 6. Năng lực đầu ra [↑](#footnote-ref-4)